



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

1701947619

ngày 17 tháng 2 năm 2014

1701947619

ngày 19 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1701947619 ngày 19 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hồng Xanh
Ông Phan Đăng Tuất
Ông Nguyễn Trí Dũng
Ông Teo Hong Keng
Ông Lê Văn Thập

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Yến
Ông Nguyễn Văn Minh
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Thập
Ông Hoàng Xuân Tùng
Ông Trần Tuấn Anh

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Đường D1, D2 - Khu Công nghiệp Thạnh Lộc
Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành
Tỉnh Kiên Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Văn Thập
Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00509-20-2



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		242.695.627.989	191.819.008.692
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	44.701.638.476	21.642.224.072
Tiền	111		11.701.638.476	2.642.224.072
Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	19.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.434.833.753	72.604.615.621
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	74.426.496.204	61.820.029.613
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	19.647.275.543	9.511.053.549
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	2.361.062.006	1.273.532.459
Hàng tồn kho	140	9	97.063.276.481	94.599.341.514
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.495.879.279	2.972.827.485
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.334.052.855	1.659.370.390
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		682.439.337	1.013.142.776
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.479.387.087	300.314.319

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		961.240.860.137	961.234.302.620
Các khoản phải thu dài hạn	210		31.681.637.271	2.760.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	28.921.637.271	-
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	2.760.000.000	2.760.000.000
Tài sản cố định	220		765.210.952.766	809.149.380.967
Tài sản cố định hữu hình	221	10	763.758.438.744	807.639.972.401
Nguyên giá	222		993.301.565.202	974.949.357.176
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.543.126.458)	(167.309.384.775)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.452.514.022	1.509.408.566
Nguyên giá	228		1.596.095.495	1.596.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(143.581.473)	(86.686.929)
Bất động sản đầu tư	230	12	101.039.414.425	103.792.761.386
Nguyên giá	231		111.644.265.568	111.644.265.568
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.604.851.143)	(7.851.504.182)
Tài sản dở dang dài hạn	240		27.435.037.901	6.253.982.536
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	27.435.037.901	6.253.982.536
Tài sản dài hạn khác	260		35.873.817.774	39.278.177.731
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	34.987.417.967	39.278.177.731
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		886.399.807	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.203.936.488.126	1.153.053.311.312

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.034.904.444.646	990.930.244.555
Nợ ngắn hạn	310		558.159.055.909	726.486.241.589
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	58.515.007.735	80.400.952.142
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.551.732.535	1.838.020.234
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	367.282.647.324	180.242.179.613
Phải trả người lao động	314		6.662.896.658	5.944.758.981
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	13.022.212.054	6.304.394.331
Doanh thu chưa thực hiện	318		1.746.515.475	1.746.515.475
Phải trả ngắn hạn khác	319		5.313.574.898	2.846.630.423
Vay ngắn hạn	320	18(a)	101.781.000.040	444.704.813.809
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	283.469.190	2.457.976.581
Nợ dài hạn	330		476.745.388.737	264.444.002.966
Phải trả dài hạn khác	337		4.860.800.854	6.235.508.104
Vay dài hạn	338	18(b)	470.449.820.857	256.311.749.899
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.434.767.026	1.896.744.963
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		169.032.043.480	162.123.066.757
Vốn chủ sở hữu	410	20	169.032.043.480	162.123.066.757
Vốn cổ phần	411	21	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	14.631.429.050	10.704.336.617
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.399.837.602	2.195.525.780
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.979.526.395	34.200.252.109
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.562.479.275	2.676.111.693
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		26.417.047.120	31.524.140.416
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		21.250.433	22.952.251
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.203.936.488.126	1.153.053.311.312

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
Kế toán

Người duyệt:





Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng

Lê Văn Thập
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2019

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	907.575.774.889	805.005.369.658
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	765.904.858.610	655.437.529.739
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		141.670.916.279	149.567.839.919
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	695.108.202	566.381.114
Chi phí tài chính	22	28	53.591.812.249	48.849.407.992
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>53.591.064.533</i>	<i>48.816.101.187</i>
Chi phí bán hàng	25	29	8.716.282.698	14.193.751.624
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	31.707.807.529	34.472.415.037
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		48.350.122.005	52.618.646.380
Thu nhập khác	31		243.250.277	257.547.835
Chi phí khác	32		3.278.518.047	22.444.377
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.035.267.770)	235.103.458
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		45.314.854.235	52.853.749.838
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	6.798.598.251	4.537.373.816
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(1.348.377.744)	232.415.212
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		39.864.633.728	48.083.960.810

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		39.864.633.728	48.083.960.810
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		39.863.868.316	48.083.721.529
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		765.412	239.281
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.925	3.555

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
Kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hảo
Kế toán Trưởng



Lê Văn Thập
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		45.314.854.235	52.853.749.838
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		65.043.983.188	61.535.049.843
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(695.108.202)	(182.171.114)
Lãi phát sinh từ việc đánh giá lại khoản đầu tư theo giá trị thị trường khi hợp nhất kinh doanh	05		-	(384.210.000)
Chi phí lãi vay	06		53.591.064.533	48.816.101.187
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		163.254.793.754	162.638.519.754
Biến động các khoản phải thu	09		(53.600.224.732)	(33.852.990.336)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.463.934.967)	(29.334.605.369)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		165.369.705.860	74.731.939.817
Biến động chi phí trả trước	12		3.616.077.299	9.137.243.651
			276.176.417.214	183.320.107.517
Tiền lãi vay đã trả	14		(51.313.581.063)	(48.437.996.251)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.795.076.113)	(6.591.334.037)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.128.264.396)	(8.168.579.758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		208.939.495.642	120.122.197.471
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(34.789.446.629)	(91.526.854.826)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		695.108.202	182.171.114
Tiền chi mua công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua			-	(12.646.287.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.094.338.427)	(103.990.971.458)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.433.869.094.628	1.211.107.949.597
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.562.654.837.439)	(1.203.252.574.103)
Tiền trả cổ tức	36		(23.000.000.000)	(28.750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(151.785.742.811)	(20.894.624.506)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		23.059.414.404	(4.763.398.493)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		21.642.224.072	26.405.622.565
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	44.701.638.476	21.642.224.072

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
Kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng



Lê Văn Thập
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chung, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bán buôn đồ uống; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty có 1 công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	Đường 2, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Quản lý và cho thuê văn phòng và kho bãi và cung cấp dịch vụ vận tải	99,83%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty có 158 nhân viên (1/1/2019: 148 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 315.463 triệu VND (1/1/2019: 534.667 triệu VND). Nhóm Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 18). Hơn nữa, Nhóm Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Nhóm Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Nhóm Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Nhóm Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Nhóm Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ thiết bị quản lý	5 – 15 năm
▪ tài sản khác	6 – 10 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Đối với bất động sản đầu tư mua về trong giao dịch hợp nhất kinh doanh, nguyên giá là giá trị đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 38 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được xác định bằng chi phí mua trừ đi lợi ích của Nhóm công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Nhóm Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ vận tải. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	732.269.245	57.752.118
Tiền gửi ngân hàng	10.969.369.231	2.584.471.954
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	19.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	44.701.638.476	21.642.224.072
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 0,8% đến 5,0% một năm (1/1/2019: 4,5% đến 5,3% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Thạnh Lộc	72.193.492.872	5.718.483.237
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	27.107.766.113	55.072.169.614
Các khách hàng khác	4.046.874.490	1.029.376.762
	<hr/>	<hr/>
	103.348.133.475	61.820.029.613
	<hr/>	<hr/>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	74.426.496.204	61.820.029.613
Phải thu dài hạn của khách hàng	28.921.637.271	-
	<hr/>	<hr/>
	103.348.133.475	61.820.029.613
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	27.107.766.113	55.072.169.614
	<hr/>	<hr/>
Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.		

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Thạnh Lộc	8.651.985.232	5.708.628.938
Công ty Cổ phần Hơi Bão Hòa	3.831.273.200	-
Công ty Cổ phần Y&Y Group	3.169.015.344	-
Các nhà cung cấp khác	3.995.001.767	3.802.424.611
	<hr/>	<hr/>
	19.647.275.543	9.511.053.549
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tạm ứng	645.313.500	598.767.059
Ký quỹ, ký cược	223.260.000	223.260.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.492.488.506	451.505.400
	<hr/>	<hr/>
	2.361.062.006	1.273.532.459
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

Các khoản phải thu dài hạn khác thể hiện đặt cọc dài hạn cho dịch vụ vận tải.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	14.600.000	-	56.362.000	-
Nguyên vật liệu	31.551.425.997	-	36.424.269.537	-
Công cụ và dụng cụ	9.120.919.045	-	11.913.737.416	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	28.500.890.003	-	31.966.726.964	-
Thành phẩm	27.806.221.891	-	14.216.645.597	-
Hàng hóa	69.219.545	-	21.600.000	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	97.063.276.481	-	94.599.341.514	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	237.781.703.811	650.840.042.515	40.566.490.944	45.166.306.724	594.813.182	974.949.357.176
Tăng trong năm	874.293.734	4.143.405.000	3.409.763.638	236.436.364	485.000.000	9.148.898.736
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.746.435.912	2.456.873.378	-	-	-	9.203.309.290
Số dư cuối năm	245.402.433.457	657.440.320.893	43.976.254.582	45.402.743.088	1.079.813.182	993.301.565.202
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	23.549.204.899	119.495.286.278	10.964.360.595	12.994.203.285	306.329.718	167.309.384.775
Khấu hao trong năm	9.465.021.522	44.712.540.521	3.976.816.937	3.999.409.403	79.953.300	62.233.741.683
Số dư cuối năm	33.014.226.421	164.207.826.799	14.941.177.532	16.993.612.688	386.283.018	229.543.126.458
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	214.232.498.912	531.344.756.237	29.602.130.349	32.172.103.439	288.483.464	807.639.972.401
Số dư cuối năm	212.388.207.036	493.232.494.094	29.035.077.050	28.409.130.400	693.530.164	763.758.438.744

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 982.157 triệu VND (1/1/2019: 987.237 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.038.400.000	557.695.495	1.596.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	86.686.929	86.686.929
Khấu hao trong năm	-	56.894.544	56.894.544
Số dư cuối năm	-	143.581.473	143.581.473
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	471.008.566	1.509.408.566
Số dư cuối năm	1.038.400.000	414.114.022	1.452.514.022

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 1.596 triệu VND (1/1/2019: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	36.800.414.425	39.553.761.386
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	64.239.000.000	64.239.000.000
	101.039.414.425	103.792.761.386

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bất động sản đầu tư có nguyên giá là 111.644 triệu VND (1/1/2019: 25.680 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	47.405.265.568
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.851.504.182
Khấu hao trong năm	2.753.346.961
Số dư cuối năm	10.604.851.143
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	39.553.761.386
Số dư cuối năm	36.800.414.425

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty tại Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	6.253.982.536	13.795.612.723
Tăng trong năm	30.384.364.655	16.925.992.556
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.203.309.290)	(24.467.622.743)
Số dư cuối năm	27.435.037.901	6.253.982.536

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Hệ thống thanh trùng nhanh và dây chuyền chiết Keg	20.366.315.577	-
Hệ thống Pilot, chiết bia thủ công	4.108.181.360	1.859.505.474
Máy cấp nắp tự động	600.158.938	600.158.938
Nâng cấp máy checkmat	-	1.012.650.915
Các công trình khác	2.360.382.026	2.781.667.209
	27.435.037.901	6.253.982.536

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 310 triệu VND (2018: không).

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Bao bì	Công cụ và	Chi phí	Tổng
	trả trước	luân chuyển	dụng cụ	khác	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	21.918.473.168	10.847.000.394	1.804.634.539	4.708.069.630	39.278.177.731
Tăng trong năm	-	702.450.000	5.868.377.766	1.955.103.113	8.525.930.879
Phân bổ trong năm	(444.376.342)	(6.926.310.709)	(2.276.962.885)	(3.169.040.707)	(12.816.690.643)
Số dư cuối năm	21.474.096.826	4.623.139.685	5.396.049.420	3.494.132.036	34.987.417.967

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	12.523.407.790	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	10.112.131.104	63.613.089.846
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	6.148.574.899	2.762.917.849
Các nhà cung cấp khác	29.730.893.942	14.024.944.447
	<hr/>	<hr/>
	58.515.007.735	80.400.952.142

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	10.112.131.104	63.613.089.846
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.669.834.613	170.005.532.131	(168.751.723.992)	1.406.263.810	14.329.906.562
Thuế tiêu thụ đặc biệt	164.966.995.141	790.550.383.263	(611.513.126.219)	-	344.004.252.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.566.599.859	6.798.598.251	(3.795.076.113)	-	6.570.121.997
Thuế thu nhập cá nhân	38.750.000	5.837.269.814	(3.270.462.192)	(227.191.042)	2.378.366.580
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
	180.242.179.613	973.196.783.459	(787.335.388.516)	1.179.072.768	367.282.647.324

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí thuê gia công trụ đèn quảng cáo	5.471.462.877	1.334.534.091
Chi phí lãi vay	3.518.977.256	1.149.072.015
Chi phí xây dựng	169.900.000	1.399.375.307
Chi phí trích trước khác	3.861.871.921	2.421.412.918
	13.022.212.054	6.304.394.331

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2019 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	325.525.874.875	817.371.923.728	(1.142.897.798.603)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	119.178.938.934	101.781.000.040	(119.178.938.934)	101.781.000.040
	444.704.813.809	919.152.923.768	(1.262.076.737.537)	101.781.000.040

(b) Vay dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn	572.230.820.897	375.490.688.833
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(101.781.000.040)	(119.178.938.934)
	470.449.820.857	256.311.749.899

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang (i)	VND	8,7% - 9,7%	2024 - 2025	565.375.870.900	-
▪ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (ii)	VND	9,9% - 14,3%	2022	6.854.949.997	7.732.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 (iii)	VND	6,5%	2023	-	367.758.688.833
				572.230.820.897	375.490.688.833

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 977.614 triệu VND, 1.596 triệu VND và 85.964 triệu VND (Thuyết minh 10, Thuyết minh 11 và Thuyết minh 12).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 4.543 triệu VND và 25.680 triệu VND (1/1/2019: 1.133 triệu VND và 25.680 triệu VND) (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 12).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 986.110 triệu VND tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 (Thuyết minh 10).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	2.457.976.581	1.639.468.005
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	6.230.976.394	7.197.088.334
Sử dụng trong năm	(8.405.483.785)	(6.378.579.758)
Số dư cuối năm	283.469.190	2.457.976.581

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	115.000.000.000	6.022.944.394	3.005.039.423	33.216.111.693	-	157.244.095.510
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	48.083.721.529	239.281	48.083.960.810
Lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày mua công ty con	-	-	-	-	23.004.637	23.004.637
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(7.196.796.667)	(291.667)	(7.197.088.334)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	4.681.392.223	4.681.392.223	(9.362.784.446)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(28.750.000.000)	-	(28.750.000.000)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.790.000.000)	-	(1.790.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(5.490.905.866)	-	-	(5.490.905.866)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	115.000.000.000	10.704.336.617	2.195.525.780	34.200.252.109	22.952.251	162.123.066.757
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	39.863.868.316	765.412	39.864.633.728
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(6.230.409.164)	(567.230)	(6.230.976.394)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.927.092.433	3.927.092.433	(7.854.184.866)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(23.000.000.000)	(1.900.000)	(23.001.900.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(3.722.780.611)	-	-	(3.722.780.611)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	115.000.000.000	14.631.429.050	2.399.837.602	36.979.526.395	21.250.433	169.032.043.480

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo bao gồm:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.300.000	20%
Các cổ đông khác	9.200.000	80%
	11.500.000	100%

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 2 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 23.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 40.250 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, trong đó 11.500 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông trong năm 2017).

Tại cuộc họp ngày 10 tháng 9 năm 2019 và ngày 30 tháng 11 năm 2019, Hội đồng quản trị của Công ty con đã quyết định phân phối khoản cổ tức lần lượt là 600 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) và 540 triệu VND (tương đương 900 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.589.630.000	3.091.886.301
Từ hai đến năm năm	6.220.333.644	2.887.247.260
Sau năm năm	1.303.726.027	-
	10.113.689.671	5.979.133.561

(b) Ngoại tệ

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	93.758	2.180.297.082	31.740	733.825.332

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	850.965.274.693	798.968.473.919
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.641.515.657.956	1.586.270.386.060
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(790.550.383.263)	(787.301.912.141)
▪ Bán kết và vỏ chai	48.409.313.205	-
▪ Cho thuê kho	4.291.637.140	3.344.424.760
▪ Cung cấp dịch vụ vận tải	418.643.182	-
▪ Doanh thu khác	3.490.906.669	2.692.470.979
	907.575.774.889	805.005.369.658

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	714.677.507.398	653.455.758.474
▪ Kết và vỏ chai đã bán	48.099.266.174	-
▪ Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư	2.753.346.961	1.953.116.237
▪ Dịch vụ vận tải đã cung cấp	359.941.723	-
▪ Giá vốn khác	14.796.354	28.655.028
	765.904.858.610	655.437.529.739

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	695.108.202	182.171.114
Lãi phát sinh từ việc đánh giá lại khoản đầu tư theo giá trị thị trường khi hợp nhất kinh doanh	-	384.210.000
	695.108.202	566.381.114
	695.108.202	566.381.114

28. Chi phí tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	53.591.064.533	48.816.101.187
Lỗ chênh lệch tỷ giá	747.716	33.306.805
	53.591.812.249	48.849.407.992
	53.591.812.249	48.849.407.992

29. Chi phí bán hàng

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	785.322.219	2.060.264.593
Chi phí công cụ, dụng cụ	87.058.371	644.563.258
Chi phí khấu hao	630.435.364	501.817.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.928.665.245	5.907.270.472
Chi phí bán hàng khác	2.284.801.499	5.079.835.819
	8.716.282.698	14.193.751.624
	8.716.282.698	14.193.751.624

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.682.675.612	10.112.327.013
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.166.718.341	5.232.664.118
Thuê, phí và lệ phí	291.189.491	384.407.200
Chi phí công cụ, dụng cụ	759.044.069	323.712.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.395.386.264	285.663.257
Chi phí quản lý khác	15.412.793.752	18.133.640.840
	31.707.807.529	34.472.415.037

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	633.358.182.431	531.734.979.769
Chi phí khấu hao và phân bổ	65.043.983.188	61.535.049.843
Chi phí nhân công và nhân viên	37.725.427.156	36.024.738.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.265.871.150	21.354.445.929
Chi phí khác	27.935.484.912	70.888.244.519

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	6.798.598.251	4.480.185.004
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	57.188.812
	6.798.598.251	4.537.373.816
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.348.377.744)	232.415.212
	5.450.220.507	4.769.789.028

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.314.854.235	52.853.749.838
Thuế theo thuế suất của Công ty	4.531.485.424	5.285.374.984
Chi phí không được khấu trừ thuế	325.263.979	455.814.401
Ưu đãi thuế	(2.336.007.984)	(3.200.804.105)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế và đối với công ty con	2.941.140.336	2.268.986.908
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	(96.771.972)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	57.188.812
Thu nhập không bị tính thuế	(11.661.248)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.450.220.507	4.769.789.028

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ 2015 đến 2029). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ 2015 đến 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2019 đến 2027).

Đối với thu nhập tính thuế phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng do nâng công suất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm được tính theo thuế suất thuế thu nhập thông thường.

(ii) Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang (“Công ty con”)

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	39.863.868.316	48.083.721.529
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.230.409.164)	(7.196.796.667)
	33.633.459.152	40.886.924.862

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 11.500.000 cổ phiếu.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Nhà đầu tư		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng hóa (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.534.379.172.243	1.556.291.736.740
Mua nguyên vật liệu	463.440.325.293	457.942.814.837
Mua hàng hoá khác	-	60.385.500
Cổ tức	4.600.000.000	5.750.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Cho thuê kho	4.191.637.140	4.191.637.140
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	5.135.300.000	5.954.400.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
Kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng



Lê Văn Thập
Giám đốc

